

Số: **989** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **06** tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp tuyến hành lang kinh tế
Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh đến 2020,
tầm nhìn đến năm 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ và Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh đến 2020, tầm nhìn đến 2025 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm phát triển

Phát huy lợi thế của tuyến hành lang kinh tế tạo môi trường đầu tư thuận lợi, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng nhằm phát triển công nghiệp với cơ cấu hợp lý, tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả; đưa công nghiệp khu vực tuyến hành lang trở thành ngành kinh tế quan trọng trong chiến lược phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển các ngành công nghiệp với bảo đảm an ninh quốc phòng, phát triển du lịch, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu chung

Phân đầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế tuyến hành lang kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thương mại dịch vụ có trình độ và chất lượng cao.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Phân đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 đạt 16,40% - 17%; giai đoạn 2016 - 2020 đạt 14,32% - 15% và giai đoạn 2011- 2020 đạt 15,36% - 16%.

3. Định hướng phát triển

3.1. Định hướng chung

- Tập trung phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại; tăng cường hợp tác, liên kết giữa các ngành, doanh nghiệp trên địa bàn tuyến và các địa phương trên cả nước để sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực và nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của ngành công nghiệp; tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ để nâng cao giá trị gia tăng của ngành công nghiệp; hình thành mối liên kết trong sản xuất và hợp tác tham gia chế tạo trong từng công đoạn sản phẩm.

- Phân bố không gian công nghiệp một cách hợp lý nhằm phát huy hết lợi thế của từng địa phương trên tuyến tạo nên sự liên kết chặt chẽ từ sản xuất đến phân phối sản phẩm.

3.2. Định hướng phát triển các nhóm ngành công nghiệp chủ yếu

a) Công nghiệp cơ khí, luyện kim

Ưu tiên phát triển các chuyên ngành cơ khí công nghệ cao, đặc biệt chú trọng đầu tư phát triển sản xuất ở các khâu có giá trị gia tăng lớn trong chuỗi giá trị sản phẩm như các khâu thiết kế, tạo mẫu, chế tạo khuôn dạng, chế tạo các linh kiện phức tạp, độ chính xác cao...; đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực và chủ động liên doanh, liên kết với các tập đoàn đa quốc gia, hướng tới trở thành nhà cung cấp và là mắt xích trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

b) Ngành điện tử, công nghệ thông tin

- Phân đầu trở thành một trung tâm của cả nước về thiết kế sản phẩm, sản xuất phần mềm, sản xuất linh kiện và các dịch vụ điện tử – tin học trên cơ sở phát huy tiềm năng lợi thế của từng địa phương trên tuyến.

- Đầu tư các dự án sản xuất và lắp ráp sản phẩm điện tử, viễn thông có quy mô lớn và hình thành mạng lưới các doanh nghiệp vệ tinh phục vụ sản

xuất và lắp ráp sản phẩm cuối cùng. Đồng thời, tăng cường liên kết với các tập đoàn đa quốc gia để tiếp nhận công nghệ hiện đại và tăng năng lực sản xuất linh kiện, phụ kiện phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Tập trung vào việc sản xuất các linh kiện kim loại, linh kiện nhựa và cao su kết hợp với sản xuất các linh kiện điện tử trong ngành công nghiệp điện tử để cung ứng cho các nhà sản xuất lắp ráp trong nước và hướng tới xuất khẩu.

c) Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm và đồ uống

- Bố trí các cơ sở chế biến phù hợp với không gian tuyến hành lang kinh tế đồng thời gắn sản xuất với phát triển vùng nguyên liệu; hình thành một số trung tâm chế biến tập trung quy mô lớn; giải quyết vấn đề cung cầu một cách hợp lý, gắn phát triển ngành với giải quyết vấn đề an sinh xã hội, tạo điều kiện cho người dân tham gia phát triển nguồn nguyên liệu nhằm tăng thu nhập, góp phần nâng cao chất lượng sống.

- Kết hợp với các địa phương khu vực tuyến hành lang để phát triển các vùng nguyên liệu quy mô lớn phục vụ cho chế biến, tránh lãng phí và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư; tăng cường ứng dụng khoa học, kỹ thuật, đặc biệt là sử dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản, sơ chế nhằm ổn định nguồn nguyên liệu chế biến.

d) Công nghiệp năng lượng

Sản xuất điện

- Tập trung hoàn thiện hệ thống các trung tâm nhiệt điện than, chú trọng vào khả năng cung cấp nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện than.

- Khuyến khích phát triển nguồn điện năng lượng tái tạo (điện sinh khối, điện mặt trời,...) tại các khu vực có tiềm năng.

- Phát triển và hoàn thiện hệ thống lưới điện nhằm nâng cao độ ổn định, tin cậy cung cấp điện theo tiêu chí N-1, giảm thiểu tổn thất điện năng.

Sản xuất than

- Tiếp tục thăm dò nâng cấp và nghiên cứu công nghệ khai thác than hầm lò dưới mức -300 m ở bể than Đông Bắc; nghiên cứu một số dự án thử nghiệm, khai thác bể than đồng bằng sông Hồng làm cơ sở cho việc xây dựng các khu công nghiệp khai thác, chế biến và sử dụng than ở phía Bắc.

- Tiếp tục hoàn thiện quy trình công nghệ khai thác via dốc thoải với thiết bị cơ giới hóa hiện đang áp dụng. Đồng thời nghiên cứu lựa chọn công nghệ thích hợp để nâng cao hiệu quả khai thác các via dày dốc nghiêng và dốc đứng.

d) Công nghiệp dệt may, da giày

- Đa dạng hoá và nâng cao đẳng cấp mặt hàng kết hợp với đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ cho ngành đồng thời chú trọng đến nguồn cung ứng nguyên, phụ liệu cho sản xuất.

- Tập trung chuyển mạnh từ gia công sang phương thức mua nguyên liệu bán sản (FOB); hình thành các trung tâm thiết kế thời trang kết hợp với ứng dụng phần mềm vào khâu thiết kế mẫu mốt và tăng cường quảng bá thương hiệu.

e) Công nghiệp hoá chất

- Ưu tiên phát triển ngành hoá dược và hoá mỹ phẩm nhằm đưa ngành công nghiệp hoá chất thành một ngành công nghiệp mũi nhọn trong khu vực tuyến hành lang kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ.

- Tập trung đầu tư, đổi mới thiết bị công nghệ nhằm tạo đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng mọi nhu cầu trong nước và xuất khẩu; thực hiện giải pháp đan xen nhiều trình độ công nghệ tùy theo tính chất sản xuất và khả năng thu hút vốn đầu tư.

g) Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

Tăng cường liên kết giữa các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng trên khu vực tuyến hành lang kinh tế, tránh đầu tư chồng chéo gây lãng phí tài nguyên thiên nhiên và cơ sở hạ tầng; sử dụng công nghệ hiện đại để phát triển sản xuất vật liệu xây không nung nhằm thay thế dần vật liệu nung.

h) Công nghiệp hỗ trợ

- Hình thành các khu công nghiệp hỗ trợ và xây dựng các cụm liên kết ngành kết hợp với phân chia, liên kết theo công đoạn sản xuất để nâng cao năng lực cung ứng nội địa và tiến dần đến tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Lấy công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí chế tạo làm động lực để phát triển, đồng thời từng bước phát triển công nghiệp hỗ trợ cho từng ngành một cách hợp lý.

4. Quy hoạch phát triển

a) Ngành cơ khí, luyện kim

Giai đoạn 2011-2015

Tiếp tục phát triển cơ khí nặng, sửa chữa và đóng mới tàu thủy, phương tiện vận tải đường bộ và đường sắt; sản xuất các cấu kiện kim loại siêu trường, siêu trọng, các loại cấu kiện phức tạp và các loại máy móc phục vụ cho sản xuất thiết bị toàn bộ, máy móc phục vụ sản xuất ngành dệt may - da

giấy, sản xuất nông - lâm nghiệp, chế biến thủy hải sản, thực phẩm và thiết bị y tế.

Giai đoạn 2016-2020

Đẩy mạnh hoạt động tiếp nhận chuyển giao và đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất theo hướng sử dụng công nghệ cao, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng và thân thiện môi trường.

Ưu tiên cho các dự án sản xuất thiết bị y tế kỹ thuật cao, máy móc chuyên dụng ngành hàng không dân dụng, ngành khai thác, ngành giáo dục, ngành du lịch, ngành công nghiệp môi trường và ngành công nghiệp năng lượng.

b) Ngành điện tử, công nghệ thông tin

Giai đoạn 2011-2015

Đầu tư sản xuất và lắp ráp điện thoại di động, máy tính, thiết bị quang học, đồ gia dụng, thiết bị viễn thông và thiết bị văn phòng; tập trung phát triển phần mềm ứng dụng, phần mềm điều khiển và phần mềm giải trí. Đồng thời kết hợp với ngành cơ khí chế tạo để sản xuất ra những sản phẩm cơ điện tử, các sản phẩm công nghệ cao.

Triển khai sản xuất các loại máy phát điện khai thác nguồn năng lượng tái tạo (gió, mặt trời, khí sinh học...), máy biến thế điện truyền tải, máy phát điện cỡ lớn.

Giai đoạn: 2016-2020

Đầu tư phát triển sản xuất chip điện tử, IC, bo mạch điều khiển, các chi tiết nhựa trong sản phẩm điện tử. Đồng thời đầu tư mới và đầu tư mở rộng sản xuất và lắp ráp máy tính, điện thoại di động, thiết bị không dây, thiết bị mạng và thiết bị ngoại vi và các chi tiết, linh kiện điện tử.

Triển khai sản xuất gia công phần mềm; sản xuất các công nghệ cao như rô bốt, thiết bị điện tử cho ngành y tế, ngành hàng không, hệ thống vi cơ điện tử (MENS), hệ thống NANO cơ điện tử (NEMS) và các thiết bị sử dụng MENS, NEMS, mạch tích hợp, bộ nhớ dung lượng cao và các thiết bị lưu trữ khác.

c) Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm và đồ uống

Giai đoạn 2011-2015

Đầu tư một số dự án sản xuất nước giải khát, bia, rượu, trích ly dầu đậu nành, tinh luyện dầu thực vật. Đồng thời phát triển nhóm ngành chế biến thực phẩm và sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.

Giai đoạn 2016-2020

Tiếp tục đầu tư lĩnh vực sản xuất nước giải khát, chế biến thực phẩm, sản xuất bánh kẹo, sôcôla, sản xuất thức ăn gia súc. Đồng thời đầu tư mở rộng, nâng công suất kết hợp với tăng cường chuyển giao công nghệ để nâng cao chất lượng và thương hiệu của sản phẩm.

d) Công nghiệp hóa chất

Giai đoạn 2011-2015

Mở rộng sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm như phân bón, nhựa, sơn, bột nhẹ, chất tẩy rửa tổng hợp, phân hóa học DAP. Tiếp tục phát triển sản xuất các sản phẩm cao su, phân bón, kết hợp với sản xuất các sản phẩm hoá mỹ phẩm, hoá dược, sơn các loại và một số sản phẩm điện hoá sản xuất pin nhiên liệu rắn, pin NiMH hoặc pin ion-Li, ắc qui.

Giai đoạn 2016-2020

- Đầu tư mới và nâng công suất của các dự án sản xuất các sản phẩm hoá dược cao cấp, sản phẩm sơn cao cấp và pin nhiên liệu các loại; tăng cường sản xuất linh kiện nhựa cho sản xuất lắp ráp sản phẩm cơ khí, điện tử.

đ) Công nghiệp dệt may, da giày

Giai đoạn 2011-2015

- Đầu tư một số dự án cho ngành dệt may, tập trung vào may xuất khẩu, sản xuất xơ sợi, dệt vải, dệt kim, kéo sợi, nhuộm hoàn tất, dệt may đồng bộ.

- Đầu tư một số dự án sản xuất giày da thời trang, giày thể thao, giày vải, dép. Đồng thời xây dựng trung tâm kinh doanh, cung ứng nguyên phụ liệu để gắn kết sản xuất.

Giai đoạn 2016-2020

- Tiếp tục đầu tư mới và nâng công suất một số nhà máy sản xuất trong lĩnh vực dệt may, da giày, trong đó tập trung vào sản xuất dệt may đồng bộ, dệt vải, kéo sợi, dệt kim và sản phẩm dệt kim và sản xuất giày xuất khẩu.

- Hình thành một số khu công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may, da giày và trung tâm thiết kế mẫu thời trang.

e) Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

Giai đoạn 2011-2015

Duy trì và phát huy hết công suất của các nhà máy xi măng và đầu tư đổi mới công nghệ, hoàn thành việc chuyển đổi tất cả công nghệ lò đứng sang lò

quay; tăng cường sản xuất vật liệu không nung bằng công nghệ hiện đại nhằm thay thế dần vật liệu nung.

Đầu tư dự án sản xuất gạch granit và gạch ceramic, sản xuất vật liệu chống cháy và các vật liệu cách âm, cách nhiệt.

Giai đoạn 2016-2020

Tiếp tục đầu tư mới một số dự án sản xuất xi măng theo Quyết định 1448/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030.

Tiếp tục đầu tư mới một số dự án sản xuất gạch granit, gạch ceramic và sản xuất vật liệu nhẹ, siêu nhẹ dùng để làm tường, vách ngăn.

g) Công nghiệp năng lượng

Giai đoạn 2011-2015

- Ngành điện: khẩn trương đưa vào vận hành an toàn các công trình điện như: nhiệt điện Hải Phòng, Quảng Ninh, Cẩm Phả... và các công trình lưới điện đồng bộ ở các cấp điện áp dọc tuyến hành lang kinh tế.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để khởi công các công trình điện tại khu vực tuyến hành lang kinh tế theo quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến 2030.

- Ngành than: đến cuối năm 2015 thăm dò xong phần tài nguyên, trữ lượng than thuộc tầng trên mức -300 m và một số khu vực có triển vọng dưới mức -300 m để triển khai các dự án khai thác giai đoạn đến năm 2020; tiếp tục thăm dò bể than đồng bằng sông Hồng, đồng thời triển khai dự án khai thác thử nghiệm.

Giai đoạn 2016-2020

- Ngành điện: xây dựng các công trình nguồn và lưới điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến 2030. Ưu tiên xây dựng một số nguồn điện từ năng lượng tái tạo.

- Ngành than: tiếp tục triển khai các dự án khai thác thuộc tầng trên mức -300m và một số dự án thuộc tầng dưới -300m đối với bể than Đông Bắc; đánh giá dự án khai thác thử nghiệm bể than đồng bằng sông Hồng làm cơ sở để khai thác trong giai đoạn tiếp theo.

h) Công nghiệp hỗ trợ

Giai đoạn 2011-2015

- Đầu tư khu công nghiệp hỗ trợ ngành thiết bị điện điện tử phục vụ lắp ráp các sản phẩm như máy tính, máy in, điện thoại di động, sản phẩm điện gia

dụng.

- Đầu tư khu công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí chế tạo phục vụ sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy, máy móc thiết bị công nghiệp.

- Đầu tư một số dự án sản xuất phụ kiện cho ngành dệt may, da giày.

Giai đoạn 2016-2020

Tiếp tục đầu tư một số dự án sản xuất linh kiện, phụ kiện, các bo mạch điện tử cho cơ khí chế tạo ứng dụng công nghệ cao và một số dự án sản xuất bo mạch điều khiển trong các dây chuyền tự động và các máy móc CNC.

5. Quy hoạch phân bố không gian

a) Định hướng phân bố không gian công nghiệp tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh

- *Lạng Sơn*: tập trung vào các lĩnh vực như: khai thác, sản xuất xi măng, sản xuất điện (nhiệt điện và thủy điện nhỏ), lắp ráp ô tô cỡ nhỏ, sản xuất chế biến gỗ; sản xuất các sản phẩm nhựa nhựa; sản xuất cáp điện, sản phẩm điện gia dụng, và đặc biệt là khu chế xuất phục vụ bảo quản, đóng gói, sản xuất hàng xuất khẩu.

- *Bắc Giang*: tập trung sản xuất trong các lĩnh vực công nghiệp hóa chất, phân bón, khai thác than, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, sản xuất các sản phẩm nhựa, sản xuất thiết bị điện, điện tử, máy tính, lắp ráp ô tô tải cỡ nhỏ và sản xuất sản phẩm ứng dụng công nghệ cao. Ngoài ra do tiếp giáp với Lạng Sơn nên Bắc Giang có thể bố trí một số dự án về kho lạnh nhằm giám tái cho Lạng Sơn trong lĩnh vực bảo quản.

- *Bắc Ninh - Hà Nội*: kết hợp tạo thành khu vực sản xuất công nghiệp công nghệ cao và hình thành khu công nghiệp hỗ trợ và khu công nghiệp công nghệ thông tin. Các lĩnh vực sản xuất công nghiệp có tính chất liên kết tuyến trên địa bàn Bắc Ninh và Hà Nội chủ yếu là: công nghiệp điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, công nghệ ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp hóa dược, công nghệ sinh học và sản xuất chế biến thực phẩm, đồ uống. Ngoài ra, trên địa bàn Hà Nội sẽ hình thành một số trung tâm như: trung tâm thời trang, khu công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ thông tin, để kéo theo các dự án sản xuất phụ tùng, linh kiện cho lắp ráp và sản xuất hàng tiêu dùng.

- *Hung Yên*: phát triển một số dự án trong lĩnh vực công nghệ cao, thiết bị điện, điện tử, chế biến thực phẩm, chế biến thức ăn gia súc và một số dự án về cơ khí chế tạo. Đồng thời hình thành khu công nghiệp dệt may, khu công nghiệp hỗ trợ cho ngành da giày.

- *Hải Dương*: kết hợp với Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành trung tâm nhiệt điện của phía bắc. Đồng thời, Hải Dương cũng nằm trong khu vực sản

xuất xi măng cùng với Hải Phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn tạo thành mối liên kết chặt chẽ để sản xuất và phân phối xi măng cho toàn tuyến và các khu vực khác. Ngoài ra, xét về mặt lợi thế để tiếp cận nguồn nguyên liệu và nguồn nhân lực Hải Dương sẽ là khu vực để phát triển dệt may và da giày, thiết bị điện, điện tử; chế biến thực phẩm và đồ uống.

- *Hải Phòng*: Ngoài việc sản xuất điện và xi măng, Hải Phòng sẽ là nơi sản xuất sản phẩm cơ khí chế tạo, sản xuất thép, thiết bị siêu trường, siêu trọng, luyện kim, lọc dầu, chế biến thủy sản, đồ uống. Bên cạnh đó do lợi thế về cảng biển nên Hải Phòng còn tập trung vào phát triển công nghiệp hỗ trợ để sản xuất phụ tùng, linh kiện điện tử phục vụ sản xuất lắp ráp trong nước và xuất khẩu.

- *Quảng Ninh*: tập trung vào khai thác than và nhiệt điện đồng thời kết hợp với Hải Phòng thành trung tâm sản xuất thiết bị siêu trường, siêu trọng, đóng mới và sửa chữa tàu thủy. Ngoài ra, với lợi thế về nguồn nguyên liệu Quảng Ninh có khả năng phát triển sản xuất xi măng, lắp ráp ô tô tải cỡ lớn phục vụ khai thác.

b) Liên kết tuyến

Khu công nghệ cao, điện tử, tin học, sẽ đặt tại Hà Nội và Bắc Ninh, các doanh nghiệp hạt nhân sản xuất thành phẩm chủ yếu sẽ đặt tại khu vực này, các doanh nghiệp vệ tinh sản xuất linh, phụ kiện sẽ tập trung ở các địa phương như Bắc Giang, Hải Phòng, Hưng Yên và Hải Dương.

Khu vực sản xuất dệt may - da giày bao gồm Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương và Hải Phòng. Trong đó, Hà Nội sẽ thành lập trung tâm thiết kế thời trang (bao gồm cả thiết kế sản phẩm dệt may và da giày) và Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng sẽ thành lập các khu công nghiệp dệt may, da giày và khu công nghiệp hỗ trợ để sản xuất phụ kiện.

Khu vực sản xuất năng lượng gồm Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Bắc Giang và Lạng Sơn.

Sản xuất các sản phẩm siêu trường, siêu trọng, đóng tàu, sản xuất thiết bị đồng bộ phục vụ các ngành sản xuất xi măng, nhiệt điện, đặc biệt chế tạo thiết bị kết cấu thép và thiết bị phi tiêu chuẩn chủ yếu tận dụng thế mạnh tiềm năng về vị trí địa lý và cảng biển nên chủ yếu liên kết giữa Hải Phòng và Quảng Ninh.

Ngành hoá chất chủ yếu sẽ tập trung tại Bắc Giang và Hải Phòng dựa trên nền tảng của đạm Hà Bắc và DAP Hải Phòng. Lĩnh vực hoá dược tập trung trên địa bàn Bắc Ninh và Hưng Yên.

6. Một số giải pháp chủ yếu

- Tập trung đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, chú trọng phát triển công nghiệp gắn với tăng trưởng bền vững; thu hút đầu tư có chọn lọc theo hướng ưu tiên các dự án kỹ thuật cao, các dự án thân thiện môi trường, tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao, sản phẩm xuất khẩu, đồng thời với việc tạo lập thương hiệu sản phẩm công nghiệp; tập trung đầu tư hình thành khu công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghiệp hỗ trợ và phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp phục vụ cho nông nghiệp.

- Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tri thức, ưu tiên các lĩnh vực tạo sản phẩm có hàm lượng chất xám cao. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh các nguồn vốn, các dự án lớn, công nghệ cao, công nghệ nguồn và các nhà khoa học, nhà trí thức.

- Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong công nghiệp đối với đội ngũ cán bộ, các nhà quản lý và quản trị doanh nghiệp kết hợp với tăng cường đào tạo nghề cho lao động, đặc biệt là lao động kỹ thuật cao.

- Tập trung phát triển mạnh các ngành dịch vụ tín dụng ngân hàng, vận tải kho bãi, thông tin liên lạc nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính, lưu thông hàng hóa, thông tin cho các doanh nghiệp và xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi phù hợp tạo điều kiện cho các nhà đầu tư.

- Quan tâm phát triển các loại hình doanh nghiệp công nghiệp sạch, công nghiệp vừa và nhỏ với mô hình quản lý, liên kết kinh tế hiệu quả, bền vững trên địa bàn nông thôn, thực hiện Nghị quyết TW7 về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển công nghiệp sạch, ít tiêu hao năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch nhằm đảm bảo việc triển khai qui hoạch một cách thống nhất; tuân thủ phân bố không gian và liên kết tuyến, tận dụng tối đa lợi thế của từng địa phương, hạn chế việc đầu tư chồng chéo gây lãng phí và phát huy hiệu quả của các dự án đầu tư nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp toàn tuyến.

8. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm công bố “Quy hoạch phát triển công nghiệp tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh đến năm 2020, có xét đến năm 2025” và tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch.

2. Các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trên tuyến hành lang đề xuất, xây dựng các cơ chế, chính sách cụ thể để tạo điều kiện thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Quy hoạch.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trên tuyến hành lang kinh tế

- Phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch, chỉ đạo xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút đầu tư. Đồng thời nhanh chóng triển khai xây dựng các công trình hạ tầng đặc biệt là hạ tầng khu cụm công nghiệp, giao thông để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư.

- Căn cứ vào Quy hoạch phát triển công nghiệp tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh để rà soát, điều chỉnh nội dung qui hoạch phát triển công nghiệp cho phù hợp, tránh đầu tư chồng chéo.

- Xây dựng chương trình chung về xúc tiến kêu gọi đầu tư và triển khai quy hoạch một cách thống nhất, góp phần phát triển hài hoà, giải quyết vấn đề lao động và an sinh xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trên tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh;
- Website Bộ Công Thương;
- Bộ trưởng và các Thủ trưởng Bộ Công Thương,
- Các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ;
- Viện Nghiên cứu Chiến lược, chính sách công nghiệp;
- Lưu: VT, KH (2b).

BỘ TRƯỞNG



Vũ Huy Hoàng

PHỤ LỤC
DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHỦ YẾU
TUYÊN HÀNH LANG KINH TẾ LẠNG SƠN - HÀ NỘI -
HẢI PHÒNG - QUẢNG NINH GIAI ĐOẠN 2011-2015
(Kèm theo Quyết định số 989/QĐ-BCT
ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên dự án	Địa điểm
1. Các dự án chuyên ngành điện tử, tin học		
1.	Sản xuất sản phẩm máy in, máy photocopy đa chức năng và các sản phẩm thiết bị văn phòng	Hải Phòng
2.	Sản xuất robot công nghiệp	Hà Nội, Bắc Ninh
3.	Lắp ráp máy quay thiết bị quang học	Bắc Ninh
4.	Sản xuất điện thoại di động	Bắc Ninh
5.	Sản xuất máy tính, máy chủ và siêu PC	Hà Nội, Bắc Ninh
6.	Sản xuất thiết bị thu - phát vệ tinh, truyền hình kỹ thuật số - thế hệ mới	Hà Nội, Hải Phòng
7.	Sản xuất linh kiện điện tử, máy tính xách tay	Hải Phòng, Bắc Ninh, Hà Nội
8.	Sản xuất, gia công phần mềm, các sản phẩm về công nghệ thông tin	Khu CNTT tập trung Hà Nội và Bắc Ninh
2. Các dự án chuyên ngành cơ khí, chế tạo		
1.	Sản xuất chế tạo biến áp khô cao áp	Hà Nội
2.	Nhà máy khí cụ điện (sản phẩm là hệ thống phân phối, thiết bị ngắt mạch, chuyển mạch,...).	Hà Nội
3.	Nhà máy chế tạo động cơ điện chuyên dụng (DC, AC servo, AC servo mini) trang bị cho máy công cụ và các thiết bị công nghiệp khác.	Hà Nội
4.	Sản xuất máy nâng hạ vận chuyển	Hải Phòng, Quảng Ninh
5.	Sản xuất, chế tạo các sản phẩm linh, phụ kiện ô tô.	Bắc Giang, Hải Dương

6.	Nhà máy sản xuất tàu biển Yên Hưng	Quảng Ninh
7.	Nhà máy sản xuất tàu biển Hải Hà	Quảng Ninh
8.	Dự án mở rộng nhà máy đóng tàu Vinashin-Man-Phà Rừng	Quảng Ninh
9.	Nhà máy cơ khí nặng	Hải Phòng, Quảng Ninh

3. Các dự án chuyên ngành chế biến nông, lâm, thủy sản, thực phẩm

1.	Kho lạnh bảo quản rau, trái cây quả tại các vùng quy hoạch	Bắc Giang, Lạng Sơn;
2.	Nhà máy sản xuất bia	Bắc Giang
3.	Sản xuất nước giải khát	Hung Yên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương
4.	Sản xuất thức ăn gia súc	Bắc Giang, Hải Phòng, Lạng Sơn
5.	Kho lạnh bảo quản thịt, hải sản	Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh
6.	Chế biến thịt xuất khẩu	Hà Nội, Hải Phòng
7.	Sản xuất, trích ly dầu đậu nành	Hải Phòng, Hải Dương
8.	Sản xuất, tinh luyện dầu thực vật	Hải Dương, Hung Yên

4. Các dự án chuyên ngành hoá chất

1.	Nhà máy sản xuất sunfat Amôn (SA)	Quảng Ninh
2.	Nhà máy tái chế phế liệu nhựa	Hải Dương, Hung Yên
3.	Sản xuất hoá mỹ phẩm cao cấp và các sản phẩm chăm sóc cá nhân	Hà Nội, Hải Dương, Hung Yên
4.	Sản xuất lốp ô tô có theo công nghệ lốp radian	Hà Nội, Bắc Giang
5.	Sản xuất pin nhiên liệu rắn	Hải Phòng
6.	Sản xuất pin NiMH hoặc pin ion-Li	Hà Nội, Hải Phòng
7.	Sản xuất tá dược cao cấp sản phẩm chính bao gồm tinh bột và Cellulose biến tính.	Bắc Ninh, Hung Yên
8.	Sản xuất thuốc kháng sinh	Bắc Ninh, Hung Yên
9.	Sản xuất, chiết xuất dược liệu và bán tổng hợp	Hung Yên, Hải Phòng

5. Các dự án chuyên ngành sản xuất vật liệu xây dựng

1.	Sản xuất sản phẩm thạch cao từ bã Gyps	Hải Phòng
2.	Sản xuất gạch Ceramic	Hải Dương, Quảng Ninh
3.	Chuyển đổi đầu tư công nghệ sản xuất xi măng lò đứng sang công nghệ lò quay của Công ty CP xi măng Tân Phú Xuân	Hải Phòng

6. Các dự án chuyên ngành dệt may, da giày

1.	Nhà máy kéo sợi tại KCN Đình Vũ	Hải Phòng
2.	Sản xuất hàng dệt may xuất khẩu	Hải Dương
3.	Đầu tư dự án dệt may đồng bộ	Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên
4.	Sản xuất giày, dép	Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Giang
5.	Xây dựng Trung tâm thiết kế mẫu mốt	Hà Nội

7. Các dự án chuyên ngành công nghiệp năng lượng

	Công trình	Địa điểm
1.	Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng I #2	Hải Phòng
2.	Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả II	Quảng Ninh
3.	Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh II#1	Quảng Ninh
4.	Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê #1	Quảng Ninh
5.	Nhà máy nhiệt điện Uông Bí MR #2	Quảng Ninh
6.	Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh II#2	Quảng Ninh
7.	Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng II#1	Hải Phòng
8.	Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê #2	Quảng Ninh
9.	Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng II#2	Hải Phòng
10.	Nhà máy nhiệt điện Lục Nam #1	Bắc Giang
11.	Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1	Quảng Ninh
12.	Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 2	Quảng Ninh
13.	Thủy điện nhỏ	Lạng Sơn